

Bản án số: 266/2024/DS-PT
Ngày 12 - 7 - 2024
(V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán và vay tài sản)

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Lập**

Ông **Đặng Minh Trung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thuý Nguyên** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Từ Thanh Thuý** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tấn C**, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Trần Chi L**, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: **Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau**, là người đại diện theo uỷ quyền của ông **C**, văn bản uỷ quyền ngày 04/01/2024 (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Tiến S**, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau** (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau**.

Người đại diện hợp pháp của bà **D**: **Nguyễn Tiến S**, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau**, là người đại diện theo uỷ quyền của bà **D**, văn bản uỷ quyền ngày 18/3/2024.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tấn C là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Ông C trình bày: Ông Nguyễn Tiến S có nợ ông tiền mua thuốc thủy sản, thức ăn nuôi tôm, mượn 4.000.000 đồng để đóng tiền điện, cụ thể sau:

Vụ nuôi tôm thứ 1: Ngày 12/01/2016 âl, thiếu tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm 46.895.000 đồng.

Vụ nuôi tôm thứ 2: Ngày 16/6/2016 âl, thiếu tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm 40.435.000 đồng. Ông S có gửi trả 12.800.000 đồng, còn nợ lại 27.635.000 đồng.

Vụ nuôi tôm thứ 3: Ngày 09/8/2017 âl. Vụ này, ông S và ông Trần Đình V hùn nuôi. Thiếu tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm 49.870.000 đồng. Cuối vụ ông S và ông V gửi trả 28.000.000 đồng, còn nợ lại 21.870.000 đồng. Như vậy, giữa ông S và ông V mỗi người nợ $\frac{1}{2} = 10.935.000$ đồng. Trong vụ này, ông S có mượn 2.000.000 đồng để đóng tiền điện. Nợ của ông S là 12.935.000 đồng, nợ của ông V trả xong.

Vụ nuôi tôm thứ 4: Ngày 11/01/2018 âl. Vụ này, ông S và ông Trần Đình V hùn nuôi. Thiếu tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm 46.250.000 đồng. Cuối vụ ông S và ông V gửi trả 6.200.000 đồng, còn nợ lại 30.050.000 đồng. Như vậy, giữa ông S và ông V mỗi người nợ $\frac{1}{2} = 15.025.000$ đồng. Trong vụ này, ông S có mượn 2.000.000 đồng để đóng tiền điện. Tổng nợ của ông S của vụ này là 17.025.000 đồng, nợ của ông V trả xong.

Tổng nợ của ông S của 4 vụ là 104.490.000 đồng, ông C yêu cầu ông S trả số tiền 104.490.000 đồng.

- Ông S trình bày: Ông bắt đầu nuôi tôm tại phần đất của ông thuộc ấp C, xã P, huyện T từ năm 2015, diện tích khoảng 800 m², đến đầu năm 2016 nghỉ nuôi, do tôm chết. Thời gian nuôi, ông có mua thuốc thủy sản và thức ăn tôm do ông C bán. Ông mua trực tiếp và trả tiền ngay cho ông C, mà không có làm giấy tờ gì. Nay ông C khởi kiện cho rằng ông thiếu tiền mua thuốc, thức ăn nuôi tôm 100.490.000 đồng, tiền mượn 4.000.000 đồng, tổng cộng 104.490.000 đồng, ông không đồng ý.

- Bà D trình bày: Ông S có nuôi tôm công nghiệp tại phần đất gia đình. Còn việc nuôi tôm như thế nào thì bà không biết. Vì thời điểm này, bà đã đi làm thuê ở địa phương khác, nên bà không biết cụ thể giao dịch giữa ông S với ông C. Còn việc ông S1 có nợ tiền ông C hay không bà yêu cầu Tòa án xét xử theo pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn C về việc yêu cầu ông Nguyễn Tiến S trả số tiền 104.490.000 đồng – Một trăm lẻ bốn triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 09/4/2024, ông C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm, tại phiên toà đại diện nguyên đơn thay đổi kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên toà phúc thẩm ông L cho rằng mặc dù ông S không ký nhận nợ, nhưng ông C có theo dõi việc giao hàng bằng sổ sách ghi chép chi tiết cụ thể từng ngày, từng lần, số tiền cụ thể, hơn nữa theo lời khai các nhân chứng mà Toà án tỉnh đã tiến hành ghi lời khai thể hiện ông S có nợ tiền ông C, nên kiến nghị HĐXX buộc ông S1 hoàn trả cho ông C số tiền nêu trên.

Ông S không đồng ý trả nợ và không trình bày tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, buộc ông S thanh toán cho ông C số tiền 104.409.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo ông C thực hiện đúng quy định tại các điều 272,273 BLTTDS, được HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền, cấp sơ thẩm xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết đúng quy định tại điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông C: Qua xem xét hồ sơ, các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giao dịch mua bán giữa đôi bên thiết lập trên cơ sở thoả thuận miệng, việc theo dõi mua bán giao nhận hàng thể hiện ông C có ghi chép chi tiết cụ thể từng lần, từng ngày và số tiền các lần bán hàng, tuy nhiên việc theo dõi này không được ông S1 ký tên xác nhận. Theo yêu cầu kháng cáo của ông C yêu cầu Tòa án ghi lời khai một số nhân chứng, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai các nhân chứng gồm các ông Cao Văn H, Trần Văn M, Cao Minh L1, Nguyễn Minh N, qua đó các nhân chứng này đều xác định ông S có mua thức ăn, thuốc nuôi trồng thủy sản của ông C, có nợ tiền ông C, còn việc ông S đã thanh toán chưa các ông không biết (Trong những nhân chứng này thì ông M có quan hệ họ hàng với ông S), những người còn lại quen biết với cả hai đương sự, cụ thể hơn là ông Trần Đình V ở giai đoạn xét xử sơ thẩm đã cung cấp bản xác nhận, ông là người đã hùn nuôi tôm với ông S hai vụ cuối, nhưng đều lỗ và nợ tiền thuốc, thức ăn của ông C, sau khi tổng kết chia đôi nợ, phần của ông đã thanh toán xong cho ông

C, còn ông S thanh toán chưa ông không biết, qua đó chứng minh rằng ông S có nợ tiền thuốc và thức ăn tôm của ông C. Đối với số tiền nợ, ông C cung cấp sổ theo dõi tổng số tiền nợ của bốn vụ tôm với tổng số tiền là 104.409.000đ, do ông S không thừa nhận nợ và không chứng minh số nợ nhiều hay ít hơn, nên chấp nhận số nợ mà ông C khởi kiện, vì vậy HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm nêu trên là phù hợp.

Về nghĩa vụ thanh toán ông S bà D là vợ chồng, phần đất nuôi tôm là tài sản chung của ông bà, mục đích ông S nuôi tôm để tạo thu nhập cho gia đình, nên ông, bà có nghĩa vụ thanh toán cho ông C số tiền này.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX.

[3] Về án phí: Ông S bà D phải chịu án phí sơ theo quy định tại điều 147, ông C không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điều 148 BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309, 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn C. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. *Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn C, buộc ông Nguyễn Tiến S và bà Nguyễn Thị D thanh toán cho ông C số tiền 104.490.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng). *Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S, bà D không thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

2/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S, bà D phải chịu số tiền 5.224.500 đồng. Ông C không phải chịu, ngày 06/12/2023 ông đã dự nộp số tiền 2.612.000 đồng tại lai thu số 4217 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được hoàn lại.

- Án phí phúc thẩm: Ông C không phải chịu, ngày 19/4/2024 ông đã dự nộp 300.000đ tại lai thu số 4835 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế